



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ -VPCNCL
ngày tháng 04 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng
/of BoA Director

Tên phòng thí nghiệm: **Khoa Kiểm nghiệm Dược phẩm – Mỹ phẩm**

Laboratory: **Drug, Cosmetic Quality Control Department**

Cơ quan chủ quản: **Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Bà Rịa- Vũng tàu**

Organization: **Ba ria – Vung tau Provincial Center for Disease Control**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Dược**

Field of testing: **Pharmaceutical**

Người quản lý/ Laboratory manager: **Nguyễn Viết Điện**

Số hiệu/ Code: **VILAS 988**

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: **Từ ngày /04/2025 đến ngày 17/07/2026.**

Địa chỉ/ Address:
170 Ba Cu, phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Địa điểm/Location:
170 Ba Cu, phường 3, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại/ Tel: **02543 572 085** Fax: **02543 580 835**

E-mail: **ttkiemnghiembrvt@gmail.com** Website:

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 988

Lĩnh vực thử nghiệm: Dược

Field of testing: Pharmaceutical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Thuốc thành phẩm <i>Finished medicine</i>	Xác định giới hạn cho phép về thể tích <i>Determination of Define limits on the volume</i>		Dược điển Việt Nam, và các Dược điển khác, các Tiêu chuẩn cơ sở do Bộ Y tế cấp số đăng ký. <i>Vietnamese pharmacopoeia, others pharmacopoeia, in-house specifications licensed by MoH.</i>
2.		Xác định độ đồng đều khối lượng <i>Determination of uniformity of weight</i>		
3.		Xác định độ lắng cặn <i>Determination of dry residue</i>		
4.		Xác định độ tan rã <i>Determination of disintergration</i>		
5.		Xác định độ hòa tan <i>Determination of dissolution</i>		
6.		Xác định khối lượng riêng và tỷ trọng <i>Determination of density and relative density</i>		
7.		Xác định độ trong và độ đồng nhất <i>Determination of clarity and homogenity</i>		
8.		Xác định pH <i>Determination of pH value</i>		
9.		Xác định mất khối lượng do làm khô <i>Determination of Loss on drying</i>		
10.		Xác định cặn sau khi bay hơi <i>Determination of residue after evaporating</i>		
11.		Xác định tạp chất liên quan Phương pháp sắc ký lớp mỏng, HPLC, quang phổ tử ngoại khả kiến <i>Determination of relevant impurities TLC, HPLC, UV-Vis method</i>		
12.		Định tính (phương pháp hóa học, sắc ký lớp mỏng, HPLC, quang phổ tử ngoại khả kiến) <i>Identification (by chemical reactions, TLC, HPLC, UV-Vis)</i>		

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 988

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
13.	Thuốc thành phẩm <i>Finished medicine</i>	Định lượng các hoạt chất chính Phương pháp quang phổ tử ngoại khả kiến, đo thể tích, HPLC <i>Quantitative of active pharmaceutical ingredient(API)</i> <i>UV-Vis, volumetric titration, HPLC method</i>		Dược điển Việt Nam, và các Dược điển khác, các Tiêu chuẩn cơ sở do Bộ Y tế cấp số đăng ký. <i>Vietnamese pharmacopoeia, others pharmacopoeia, in-house specifications licensed by MoH.</i>
14.		Xác định hoạt lực thuốc kháng sinh bằng phương pháp thử vi sinh vật (Spiramycin, Erythromycine, Neomycine, Nystatin) <i>Determination of microbiological assay of antibiotics (Spiramycin, Erythromycine, Neomycine, Nystatin)</i>		
15.		Thử giới hạn nhiễm khuẩn (<i>Bacillus pumilus</i> , <i>Salmonella</i> spp, <i>Escherichia coli</i> , <i>Staphylococcus aureus</i> , <i>Candida albicans</i> , <i>Pseudomonas aeruginosa</i>) <i>Test for microbial contamination (Bacillus pumilus, Salmonella spp, Escherichia coli, Staphylococcus aureus, Candida albicans, Pseudomonas aeruginosa)</i>		
16.	Dược liệu <i>Herbal Drugs</i>	Xác định mất khối lượng do làm khô <i>Determination of Loss on drying</i>		
17.		Xác định tạp chất lẫn <i>Determination of mixed impurities</i>		
18.		Xác định hàm lượng tro toàn phần. <i>Determination of total ash.</i>		
19.		Định tính (phương pháp hóa học, sắc ký lớp mỏng, quang phổ tử ngoại khả kiến) <i>Identification (by chemical reactions, TLC, UV-Vis method)</i>		

Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Bà Rịa- Vũng tàu cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật Tỉnh Bà Rịa- Vũng tàu phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Ba ria – Vung tau Provincial Center for Disease Control that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*